

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023, Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 và các nội dung trình kỳ họp thứ 7, HĐND huyện khóa XI

Căn cứ Chương trình kỳ họp thứ 7, HĐND huyện khóa XI, tại kỳ họp này, UBND huyện trình HĐND huyện **21 nội dung**, trong đó có **08 Tờ trình** dự thảo Nghị quyết và **13 Báo cáo chuyên đề**. Với khối lượng nội dung trình khá lớn, do đó, UBND huyện xin báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 và một số nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết trọng tâm, có ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội của Nhân dân trên địa bàn huyện; đối với các báo cáo chuyên đề đã được gửi đến các Đại biểu, xin phép không trình bày. Nội dung trình bày tại Báo cáo này đã được cập nhật số liệu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 tỉnh giao; kết luận của Huyện ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2023, các Kết luận tại Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy và Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND huyện, cụ thể như sau:

I. Về tình hình kinh tế - xã hội năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

1. Những kết quả đạt được năm 2023

Trong năm 2023, với sự lãnh đạo sát sao của UBND tỉnh, Huyện ủy, hướng dẫn của các Sở, ban ngành, giám sát của HĐND huyện, điều hành linh hoạt UBND huyện và cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, sự tin tưởng, đồng lòng, quyết tâm của cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện tiếp tục ổn định, phát triển và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện (*giá so sánh năm 2010*) ước thực hiện năm 2023 là 5.143 tỷ đồng, đạt 101,42% kế hoạch, tăng 16,05% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: Nông, Lâm, Thủy sản ước đạt 1.414 tỷ đồng, đạt 101,84% kế hoạch, tăng 14,57% so cùng với kỳ; Công nghiệp - Xây dựng 2.435 tỷ đồng, đạt 100,40% kế hoạch, tăng 15,42% so với cùng kỳ; Thương mại - Dịch vụ 1.294 tỷ đồng, bằng 102,91% kế hoạch và tăng 18,95% so với cùng kỳ năm 2022. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện đến ngày 31 /12/2023 là 170.077 triệu đồng, đạt 151,01% dự toán tỉnh giao, 118,83% dự toán huyện giao và bằng 113,00% cùng kỳ năm 2022,... Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát; quản lý nhà nước trên các lĩnh vực lâm nghiệp, trật tự xây dựng, quy hoạch đô thị được tăng cường, không để xảy ra vi phạm. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng quy định. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được duy trì nghiêm túc, giải quyết kịp thời. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, không xảy ra các vụ việc phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh chính trị của địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế, khó khăn: Một số địa phương thu ngân sách ở còn đạt thấp và một số nội dung chi thực hiện chưa kịp thời, hiệu quả đem lại chưa cao; Tình trạng vi phạm khai thác khoáng sản nhỏ lẻ có lúc, có nơi vẫn còn xảy ra; Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và đấu giá quyền sử dụng đất đối với một số dự án còn chậm và gặp nhiều khó khăn; Tiến độ giải ngân vốn một số dự án, tiểu dự án của các Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm; Công tác theo dõi, lồng ghép các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện Kế hoạch cải tạo vườn tạp và Kế hoạch khai thác tiềm năng, lợi thế nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Ia Ly, Plei Krông giai đoạn 2021 - 2025 tại một số địa phương còn hạn chế; Tai nạn giao thông chưa được kiểm chế.

Nguyên nhân của những hạn chế nói trên: Một số địa phương chưa có giải pháp phát triển nguồn thu; công tác quản lý các nguồn thu vãng lai (*xây dựng nhà tư nhân*), quản lý các nguồn thu từ hoạt động khai thác khoáng sản... hiệu quả chưa cao. Việc quản lý, sử dụng chi ngân sách ở một số địa phương vẫn còn hạn chế, vì vậy một số nội dung chi thực hiện chưa kịp thời. Thực tế hiện nay, nhu cầu đào, san ủi đất để thực hiện các công trình dân dụng (*chủ yếu xây dựng nhà cửa*) trong Nhân dân trên địa bàn huyện rất lớn; trong khi đó, trên địa bàn huyện chưa có quy hoạch mở đất san lấp. Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước của một số địa phương vẫn còn hạn chế, chưa phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ việc khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn. Nhận thức của một số hộ dân còn hạn chế, chưa ủng hộ chủ trương của địa phương về thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; hơn nữa, giá đất bán theo đơn giá của nhà nước, còn nhân dân muốn cao hơn theo thị trường. Vì vậy, rất khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng dẫn đến việc triển khai các dự án khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện chậm, ảnh hưởng đến việc thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá đất. Văn bản hướng dẫn triển khai một số Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi muộn, có một số nội dung chưa phù hợp với thực tế địa phương. Bên cạnh đó, lãnh đạo một số đơn vị, địa phương chưa chủ động nghiên cứu, triển khai thực hiện các Chương trình. Việc chấp hành Luật giao thông đường bộ của một bộ phận Nhân dân, nhất là thanh thiếu niên chưa nghiêm.

2. Về mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

2.1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phấn đấu tăng trưởng kinh tế với cơ cấu hợp lý và đúng định hướng. Đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững. Tăng cường bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Giữ vững quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Chỉ tiêu kinh tế: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) đạt trên 14%, trong đó: Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 11,92%; Công nghiệp và Xây dựng tăng 15,59%; Thương mại - Dịch vụ tăng 13,29%. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 171.660 triệu đồng; Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 593.663 triệu đồng. Một số diện tích cây trồng chính: Diện tích Lúa vụ Đông - xuân: 690 ha, Diện tích Lúa vụ mùa: 1.205 ha, Diện tích Sắn: 6.780 ha, Diện tích cây Mía 315 ha, Diện tích Cà phê: 2.939 ha, Diện tích Cao su: 13.326 ha, Diện tích Cây ăn quả: 1.886 ha (trong đó trồng mới 320 ha), Diện tích cây Mắc ca: 348 ha (trong đó trồng mới 100 ha), Diện tích Cây dược liệu: 469 ha (trong đó trồng mới 50 ha), Một số vật nuôi chính: Đàn bò: 11.748 con, Đàn lợn: 14.000 con, thành lập mới 02 Hợp tác xã, 02 Tổ hợp tác. Phần đầu có thêm 01 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới (Hơ Moong); 02 thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

b) Các chỉ tiêu về xã hội: Dân số trung bình 55.850 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,10%. Số lao động được giải quyết việc làm tăng thêm trong năm: 800 lao động. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều khoảng 4,50%. Tổng số học sinh có mặt đầu năm trên địa bàn: 16.145 học sinh (bao gồm học sinh trường Dân tộc nội trú và THPT Quang Trung), trong đó: Cấp huyện quản lý 15.035 học sinh. Tỷ lệ bao phủ y tế: 99,68%. Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã): 26,55 giường. Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi: 20,50%. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa: 100%. Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa: 84,37%. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở: 99,47%. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất: 99,05%.

c) Chỉ tiêu về môi trường: Tỷ lệ độ che phủ rừng (có tính cây cao su): 62,99%. Trồng mới rừng: 620 ha. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (thành thị và nông thôn) được thu gom và xử lý: 85,0%. Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 93,0%. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường: 100%. Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: 100%.

d) Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh: Tỷ lệ giao quân: 100%. Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: 90%. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: 80%. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: 80%. Tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội (so với năm 2023): 7%.

e) Các chỉ tiêu còn lại: Có Phụ lục kèm theo, phần đầu hoàn thành ở mức cao nhất.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp năm 2024

Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện để đạt được mục tiêu nêu trên, UBND huyện đã đề ra cụ thể tại Báo cáo số 973/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023. Do thời gian có hạn, UBND huyện xin phép không trình bày nội dung này, đề nghị đại biểu nghiên cứu tại Báo cáo nói trên.

II. Tờ trình số 413/TTr-UBND ngày 02 /12/2023 về Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Sa Thầy (lần 3);

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

1.1. Điều chỉnh, cơ cấu lại, bổ sung nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg, nhằm tập trung nguồn lực, đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, giải ngân hết nguồn vốn được cấp thẩm quyền giao và không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản:

- Điều chỉnh giảm **2.689,358** triệu đồng từ các dự án: (1) Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 8 phòng và hạng mục phụ trợ): giảm **118,232** triệu đồng; (2) Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bé Văn Đàn đến đường Lê Duẩn): giảm **380,000** triệu đồng; (3) Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Bé Văn Đàn đến ngõ 350): giảm **500,000** triệu đồng; (4) Trường THCS Phan Đình Phùng (Hạng mục nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ): giảm **1.691,126** triệu đồng, thuộc nguồn vốn cân đối NSDP theo tiêu chí tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh sang thực hiện dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến Nhà máy thủy điện IaLy (*có khối lượng nhưng chưa bố trí đủ vốn để thanh toán*). Lý do: 04 dự án trên đã hoàn thành nhưng thừa vốn do tiết kiệm được từ các khoản chi phí (*Đấu thầu; giảm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; nghiệm thu khối lượng thực tế...*).

- Điều chỉnh tăng **2.689,358** triệu đồng từ 04 dự án nêu trên sang thực hiện dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến Nhà máy thủy điện IaLy, đảm bảo tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

- Bổ sung **1.350,000** triệu đồng nguồn vốn hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023.

1.2. Điều chỉnh, cơ cấu lại, bổ sung nguồn thu tiền sử dụng đất, nhằm tập trung nguồn lực, đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản:

- Điều chỉnh giảm **1.308,234** triệu đồng đã giao dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư khu vực Hạt Kiểm lâm (cũ) và lân cận thuộc nguồn thu tiền sử dụng đất. Lý do: dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư khu vực Hạt Kiểm lâm (cũ) và lân cận được phê duyệt với tổng mức đầu tư **8.500,000** triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất; tổng kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2023 là **8.500,000** triệu đồng. Hiện nay dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với tổng giá trị khối lượng thực hiện là **7.191,766** triệu đồng (*bao gồm chi phí kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành*), so với tổng kế hoạch vốn bố trí còn thừa **1.308,234** triệu đồng.

Tổng kinh phí đã bố trí vốn thực tế cho dự án là **7.368,367** triệu đồng, đã giải ngân **7.191,766** triệu đồng; số kinh phí còn thừa là **176,601** triệu đồng điều chuyển sang công trình: Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến Nhà máy thủy điện IaLy.

- Điều chỉnh tăng **176,601** triệu đồng thực hiện dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến Nhà máy thủy điện IaLy từ số kinh phí còn thừa thuộc dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng Điểm dân cư khu vực Hạt Kiểm lâm (cũ) và lân cận.

- Điều chỉnh giảm **1.200,000** triệu đồng dự án Hỗ trợ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an huyện Sa Thầy, do dự án đã xác định xong chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, dự kiến thừa vốn.

- Bổ sung **4.000,000** triệu đồng đối ứng thực hiện dự án Đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đài tưởng niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đài tưởng niệm Chư Tan Kra, để đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án⁽¹⁾.

1.3. Điều chỉnh, bổ sung nguồn tăng thu, kết dư ngân sách huyện

a) Nguồn tăng thu ngân sách huyện, điều chỉnh, bổ sung tăng **6.769,063** triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh tăng **2.000,000** triệu đồng thực hiện dự án Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND các xã: Sa Nhơn, Ya Ly, Sa Nghĩa và Sa Sơn (Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã), để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

- Bổ sung **2.648,063** triệu đồng hỗ trợ xã Ya Ly thực hiện các dự án giao thông và các dự án khác để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Bổ sung tăng **3.000,000** triệu đồng để đối ứng thực hiện dự án Đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đài tưởng niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đài tưởng niệm Chư Tan Kra.

- Điều chỉnh giảm **879,000** triệu đồng kinh phí Hỗ trợ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an huyện Sa Thầy, giảm, do dự án đã xác định xong chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, dự kiến thừa vốn.

b) Nguồn kết dư ngân sách huyện, điều chỉnh, bổ sung tăng **1.149,000** triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung tăng **937,550** triệu đồng đối ứng thực hiện dự án Đường giao thông lên khu di tích lịch sử điểm cao 1049, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

- Bổ sung tăng **211,450** triệu đồng để đối ứng thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở thuộc Dự án 1, CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, năm 2023 đảm bảo theo quy định.

1.4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch các nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh bổ sung thực hiện một số dự án:

Điều chỉnh tăng **2.000,000** triệu đồng thực hiện dự án: Đường giao thông lên khu di tích lịch sử điểm cao 1049, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy (*Tổng mức đầu tư*

⁽¹⁾ Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và bổ sung trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 01 tháng 11 năm 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai chủ trương đầu tư tại Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023.

5.000 triệu đồng); Dự án đã được HĐND huyện phê duyệt tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 09 tháng 3 năm 2023.

1.5. Điều chỉnh tên gọi dự án Xây dựng Trường TH-THCS xã Ya Ly. Hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ điểm trường làng Tum thành dự Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Làng Chứ, đảm bảo theo Nghị quyết của HĐND huyện⁽²⁾.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung (lần 3)

- Tổng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương sau khi điều chỉnh, bổ sung (lần 3) là **383.480,612** triệu đồng, tăng **10.070,471** triệu đồng so với Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện.

III. Tờ trình số 422/TTr-UBND ngày 06 /12/2023 về Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 huyện Sa Thầy (lần 5)

1. Về bổ sung, phân bổ vốn để thực hiện dự án vào Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023

a) Bổ sung và phân bổ chi tiết 1.535 triệu đồng nguồn phân cấp đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM) cho 06 dự án, cụ thể:

- Xây dựng Trường PTDTBT Tiểu học Lý Thường Kiệt. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ: 46 triệu đồng.

- Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Làng Chứ: 310 triệu đồng.

- Trường Mầm non xã Ya Xiêr. Hạng mục: Sửa chữa nhà học, xây mới cổng hàng rào và hạng mục phụ trợ điểm trường trung tâm và điểm trường thôn Thanh Xuân: 310 triệu đồng.

- Trường Mầm non Vàng Anh xã Ya Tăng. Hạng mục: Nhà phục vụ học tập 02 phòng và hạng mục phụ trợ: 311 triệu đồng.

- Sửa chữa 02 dãy nhà học 2 tầng và hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Rờ Koi: 310 triệu đồng.

- Làm mới Giếng khoan, Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường Mầm non xã Sa Nhơn: 248 triệu đồng.

b) Lý do: Tại kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 3), trong đó phân bổ 1.535 triệu đồng cho huyện Sa Thầy từ nguồn thu xổ số kiến thiết (Ưu tiên đầu

⁽²⁾ Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023.

tư các công trình GD-ĐT thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM). Qua rà soát, UBND huyện đề xuất bố trí bổ sung vốn cho 06 dự án nêu trên đã được HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và đã có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Sa Thầy về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương huyện Sa Thầy (lần 2).

Như vậy, để triển khai thực hiện Quyết định của UBND tỉnh thì việc bổ sung, phân bổ vốn để thực hiện các dự án nêu trên là đảm bảo theo quy định.

2. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 sau khi điều chỉnh, bổ sung

Sau khi điều chỉnh, bổ sung tổng kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 huyện Sa Thầy (lần 5) là **65.872,063** triệu đồng, tăng 1.535,0 triệu đồng (*kế hoạch vốn nguồn phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM)*).

IV. Tờ trình số 428/TTr-UBND ngày 08/12/2023 về dự thảo Phương án thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024

IV.1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ:

1. Phân bổ dự toán chi quản lý hành chính Nhà nước, đảng, đoàn thể

- Đơn vị từ 10 biên chế trở xuống: 20 triệu đồng/biên chế/năm.
- Đơn vị từ 11 đến 35 biên chế: 18 triệu đồng/biên chế/năm.
- Đơn vị từ 35 biên chế trở lên: 16 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Hệ số bổ sung:

- Đơn vị thuộc khối Đảng; Văn phòng HĐND - UBND huyện: 2,5.
- Các đơn vị còn lại: 1,5.

2. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp

2.1. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục (Đảm bảo không thấp hơn dự toán tỉnh giao)

- Kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Ưu tiên tính đủ tiền lương tối thiểu từ 1.490.000 đồng lên mức 1.800.000 đồng (*theo biên chế ngành Giáo dục và Đào tạo được cấp thẩm quyền giao tại thời điểm*).

- Định mức chi thường xuyên khác ngoài lương được phân bổ cho các đơn vị trường học, cụ thể: (1) Các đơn vị có số biên chế được giao từ dưới 20 biên chế được phân bổ với mức 13 triệu đồng/người/năm; (2) Các đơn vị có số biên chế được giao từ 20 đến dưới 40 biên chế được phân bổ với mức 12 triệu đồng/người/năm; (3) Các đơn vị có số biên chế được giao từ 40 biên chế đến dưới 60 biên chế được phân bổ với mức 11 triệu đồng/người/năm.

Ngoài định mức chung đối với các trường sau đây được tăng tỷ lệ%, gồm: Trường TH-THCS Lê Quý Đôn tăng thêm định mức 10%⁽³⁾; các trường thuộc xã Mô Rai, Xã Rờ Koi, Xã Hơ Moong tăng thêm định mức 5%⁽⁴⁾.

2.2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề; Chi sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp văn hóa thông tin; sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn

- Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo số lượng người làm việc do cấp thẩm quyền giao và quy định hiện hành; tiền lương tối thiểu từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng.

- Định mức chi thường xuyên (*trên cơ sở số lượng người làm việc do cấp thẩm quyền giao*): 25 triệu đồng/người/năm.

2.3. Phân bổ chi khoa học và công nghệ: Trên cơ sở chủ trương cấp thẩm quyền, bố trí kinh phí chi nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ phù hợp khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế địa phương.

2.4. Chi sự nghiệp môi trường: Thực hiện theo quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về danh mục sự nghiệp công; giá, phí và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công; phân loại mức độ tự chủ tài chính; tự chủ sử dụng nguồn tài chính; tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết; quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan;

3. Phân bổ dự toán chi an ninh, quốc phòng: Ngân sách đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được phân cấp cho địa phương theo Luật Ngân sách Nhà nước, các Văn bản quy phạm pháp luật khác và nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao theo khả năng cân đối ngân sách.

4. Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Hỗ trợ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao, theo khả năng ngân sách địa phương.

5. Chi khác ngân sách (*Chi Quỹ thi đua, khen thưởng; các khoản hỗ trợ khác*): Trên cơ sở chủ trương cấp thẩm quyền, căn cứ nhu cầu kinh phí theo khối lượng công việc, dự toán kinh phí đơn vị lập, chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, khả năng cân đối ngân sách để phân bổ cho phù hợp.

6. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các đơn vị cấp xã năm 2024

- Kinh phí tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn*) tính theo quy định hiện hành.

- Kinh phí chi thường xuyên khác ngoài lương được phân bổ theo số lượng biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Định mức phân bổ 20 triệu đồng/người/năm.

⁽³⁾ Trường chất lượng cao của huyện (*từ ngày thành lập đến nay thầy và trò nhà trường đã rèn luyện, tham gia các kỳ thi do cấp huyện, cấp tỉnh và quốc gia tổ chức đã đạt nhiều thành tích cao*).

⁽⁴⁾ Các trường có cự ly cách xa trung tâm huyện đi lại khó khăn.

- Hệ số bổ sung: 1,3.

- Ngoài định mức và hệ số bổ sung trên, được cộng thêm 5% đối với đơn vị: Thị trấn, Sa Bình, Ya Ly, Ya Xiêr và Ya Tăng⁽⁵⁾ và cộng thêm 10% đối với các xã: Rờ Koi, Mô Rai và Hơ Moong⁽⁶⁾.

Định mức chi đã bao gồm: Kinh phí hoạt động của HDND cấp xã; chi hoạt động của văn phòng, bao gồm (*chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác, chi khác theo chế độ quy định*); Chi hoạt động của tổ chức Đảng, bao gồm (*kinh phí hoạt động chi bộ cơ sở*) và chi hoạt động tổ chức chính trị - xã hội cấp xã theo quy định.

7. Dự phòng ngân sách địa phương: Dự phòng ngân sách địa phương 2%/tổng chi ngân sách, đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 (*từ 2 - 4% tổng chi ngân sách*).

IV.2. Dự toán thu, chi ngân sách

1. Thu ngân sách địa phương

- **Tỉnh giao:** Dự toán thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn là 114.660 triệu đồng, trong đó: Thu nội địa 114.660 triệu đồng, tăng so dự toán tỉnh giao năm 2023 là 2.030 triệu đồng, tăng tương ứng 1,8%; bằng 68,8% so ước thực hiện năm 2023 (*Thu nội địa nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất giảm so dự toán tỉnh giao năm 2023 là 2.970 triệu đồng, giảm tương ứng 3,2%, bằng 73,73% so ước thực hiện năm 2023*).

- **Huyện dự kiến giao:** Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2024 là 171.660 triệu đồng, trong đó: thu nội địa 171.660 triệu đồng (tăng so dự toán tỉnh giao năm 2024 là 57.000 triệu đồng, tăng 49,7%⁽⁷⁾, bằng 100,9% so ước thực hiện năm 2023 (*Thu nội địa loại trừ thu tiền sử dụng đất huyện dự kiến giao 101.660 triệu đồng, tăng 13,38% dự toán tỉnh giao năm 2024 và bằng 108,1% so ước thực hiện năm 2023*).

2. Chi ngân sách huyện

- **Tỉnh giao:** 543.863 triệu đồng, trong đó: Dự toán chi cân đối ngân sách huyện 436.500 triệu đồng, tăng 11,9% so dự toán năm 2023; Chi bổ sung mục tiêu, mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách cấp trên 107.363 triệu đồng.

- **Huyện giao:** 593.663 triệu đồng (*tăng so dự toán tỉnh giao 49.800 triệu đồng*): Thu NSNN trên địa bàn huyện được hưởng 138.022 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 455.641 triệu đồng; trong đó, bổ sung cân đối ngân sách là 348.278 triệu đồng, tăng 15,6% so dự toán tỉnh giao năm 2023; Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 107.363 triệu đồng.

V. Tờ trình số 417/TTr-UBND ngày 04 /12/2023 về Dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 huyện Sa Thầy

⁽⁵⁾ Thị trấn, Sa Bình thuộc địa bàn xã có dân số trên 5.000 người; Ya Ly, Ya Xiêr, Ya Tăng xã ĐBKk, xã loại II;

⁽⁶⁾ Rờ Koi, Mô Rai, Hơ Moong xã đặc biệt khó khăn, xã loại I.

⁽⁷⁾ Trong đó: Tăng thu tiền sử dụng đất 45.000 triệu; Tăng thuế GTGT khu vực ngoài quốc doanh 12.000 triệu.

1. Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 UBND tỉnh giao cho huyện 34.982,0 triệu đồng, cụ thể:

1.1. Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí 11.182,0 triệu đồng.

- Nguồn phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh: **7.832,0** triệu đồng.

- Nguồn phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT): **2.000,0** triệu đồng.

- Nguồn hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã: **1.350,0** triệu đồng.

1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 23.800,0 triệu đồng.

2. Trên cơ sở khả năng cân đối nguồn ngân sách địa phương; kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trong ba năm 2021, 2022, 2023. Tổng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của huyện là 72.782,0 triệu đồng, tăng so với tỉnh giao 37.800,0 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí 11.182,0 triệu đồng.

- Nguồn phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh: **7.832,0** triệu đồng.

- Nguồn phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT): **2.000,0** triệu đồng.

- Nguồn hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã: **1.350,0** triệu đồng.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 61.600,0 triệu đồng, tăng so với kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh giao 37.800,0 triệu đồng.

3. Về phân bổ ngân sách địa phương đối ứng các Chương trình MTQG năm 2024

3.1. Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

a) Tổng vốn ngân sách Trương ương (NSTW) được UBND tỉnh giao (vốn đầu tư phát triển) **41.349,0** triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định⁽⁸⁾: **4.134,9** triệu đồng.

- Ngân sách huyện phân bổ đối ứng **3.889,3** triệu đồng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 huyện, cụ thể:

+ Bố trí đối ứng **872,3** triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất từ dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy để đối ứng Dự án 2 theo quy định (Vốn NSTW là 8.723,0 triệu đồng).

+ Bố trí đối ứng **2.922,3** triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất trong cân đối được để lại cho cấp xã (để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng; hỗ trợ làm

⁽⁸⁾ Theo Nghị quyết số 21/2022/NQ/HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

đường hầm, đường giao thông nông thôn...) để đối ứng Dự án 4 và Dự án 6 theo quy định, trong đó: **2.866,3** triệu đồng đối ứng Dự án 4 (*Vốn NSTW là 28.663,0 triệu đồng*); **56,0** triệu đồng đối ứng Dự án 6 (*Vốn NSTW là 560,0 triệu đồng*).

+ Bố trí đối ứng **94,7** triệu đồng nguồn cân đối ngân sách địa phương để đối ứng Dự án 5 theo quy định (*Vốn NSTW là 947 triệu đồng*) từ dự án Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Làng Chừ.

Sau khi rà soát, cân đối bố trí vốn đối ứng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024, còn thiếu **245,6** triệu đồng thuộc Dự án 1 (*Vốn NSTW là 2.456 triệu đồng*). Lý do: Qua rà soát, hiện nay chưa có nguồn vốn để cân đối bố trí đối ứng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 huyện Sa Thầy. UBND huyện sẽ tiếp tục rà soát, cân đối từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2023 trình HĐND huyện phân bổ để đối ứng Dự án 1 sau khi xác định được nguồn thu.

3.2. Về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

a) Tổng vốn ngân sách Trung ương (*NSTW*) được UBND tỉnh giao (*vốn đầu tư phát triển*) **4.592,0** triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định⁽⁹⁾: **4.592,0** triệu đồng.

- Ngân sách huyện phân bổ đối ứng **4.592,0** triệu đồng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024, cụ thể:

+ Bố trí đối ứng **3.464,6** triệu đồng từ nguồn cân đối NSDP thuộc dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện Ialy.

+ Bố trí đối ứng **1.127,4** triệu đồng từ nguồn Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT) thuộc dự án: (1) Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Làng Chừ **564,0** triệu đồng; (2) Trường Mầm non Vàng Anh xã Ya Tăng. Hạng mục: Nhà phục vụ học tập 02 phòng và hạng mục phụ trợ **563,4** triệu đồng.

VI. Tờ trình số 421/TTr-UBND ngày 06 /12/2023 về Dự thảo Nghị quyết về danh mục dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện Sa Thầy

1. Tổng danh mục Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 46 dự án, trong đó:

- Danh mục dự án chuyên tiếp thực hiện trong năm 2024 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt⁽¹⁰⁾ 05 dự án.

⁽⁹⁾ Theo Nghị quyết số 23/2022/NQ/HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁰⁾ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022

- Danh mục dự án quyết định thực hiện trong năm 2024 là 41 dự án.

2. Tổng danh mục Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 08 dự án, trong đó:

- Danh mục dự án chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt⁽¹¹⁾ 01 dự án.

- Danh mục dự án quyết định thực hiện năm 2024 là 07 dự án.

VII. Tờ trình số 423/TTr-UBND ngày 06 /12/2023 về Dự thảo Nghị quyết về phê duyệt kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện Sa Thầy;

1. Về mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các Chương trình MTQG năm 2024

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi: Phần đầu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 là 4,27%.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo năm 2024 giảm >4%.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Phần đầu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 là 60% (trong đó, tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao là 33,3%).

2. Về phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm 2024

a) Dự toán ngân sách Trung ương tỉnh giao thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là 89.213,0 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 45.941,0 triệu đồng, vốn sự nghiệp 43.272,0 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: **14.658,0** triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **66.338,0** triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển **41.349,0** triệu đồng, vốn sự nghiệp **24.989,0** triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: **8.217,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **4.592,0** triệu đồng, vốn sự nghiệp **3.625,0** triệu đồng.

b) Dự toán địa phương giao: UBND huyện trình HĐND huyện phân bổ 89.213,0 triệu đồng dự toán ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, bao gồm: 45.941,0 triệu đồng vốn đầu tư phát triển và 43.272,0 triệu đồng vốn sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó: Phân bổ chi tiết kỳ này 60.229,4 triệu đồng, đạt 67,5% dự toán ngân sách Trung ương tỉnh giao (Vốn đầu tư phát triển 17.062,4 triệu đồng, vốn sự nghiệp 43.167,0 triệu đồng); Chưa phân

của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹¹⁾ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

bổ chi tiết kỳ này **28.983,6** triệu đồng, chiếm 32,5% dự toán ngân sách Trung ương tỉnh giao (*Vốn đầu tư phát triển 28.878,6 triệu đồng, vốn sự nghiệp 105,0 triệu đồng*), UBND huyện sẽ tiếp tục triển khai rà soát, trình HĐND huyện phân bổ chi tiết cho các đơn vị, địa phương sau khi đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ và thủ tục theo quy định, cụ thể:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp **14.658,0** triệu đồng cho các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, đạt 100% dự toán ngân sách Trung ương được UBND tỉnh giao.

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phân bổ **66.338,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **41.349,0** triệu đồng; vốn sự nghiệp **24.989,0** triệu đồng. Phân bổ chi tiết kỳ này **40.775,2** triệu đồng, đạt 61,5% dự toán ngân sách Trung ương được UBND tỉnh giao, còn lại **25.562,8** triệu đồng UBND huyện trình HĐND huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện, cụ thể:

+ Vốn đầu tư phát triển phân bổ chi tiết kỳ này **15.891,2** triệu đồng, cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đạt 38,4% dự toán ngân sách Trung ương được UBND tỉnh giao; còn lại **25.457,8** triệu đồng UBND huyện trình HĐND huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện.

+ Vốn sự nghiệp phân bổ chi tiết kỳ này **24.884,0** triệu đồng, cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đạt 99,6% dự toán ngân sách Trung ương được UBND tỉnh giao; còn lại **105,0** triệu đồng, UBND huyện trình HĐND huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới phân bổ **8.217,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **4.592,0** triệu đồng; vốn sự nghiệp **3.625,0** triệu đồng. Phân bổ chi tiết kỳ này **4.796,2** triệu đồng, đạt 58,4% dự toán ngân sách Trung ương được UBND tỉnh giao; còn lại **3.420,8** triệu đồng UBND huyện trình HĐND huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện, cụ thể:

+ Vốn đầu tư phát triển phân bổ chi tiết kỳ này **1.171,2** triệu đồng, cho các đơn vị, địa phương đạt 25,5% dự toán ngân sách Trung ương được UBND tỉnh giao; còn lại **3.420,8** triệu đồng, chiếm 74,5% dự toán ngân sách Trung ương được UBND tỉnh giao, UBND huyện trình HĐND huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện.

+ Vốn sự nghiệp phân bổ chi tiết kỳ này **3.625,0** triệu đồng, cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đạt 100% dự toán ngân sách Trung ương được UBND tỉnh giao.

3. Về phân bổ NSDP đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024

3.1. Về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

a) Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương (NSTW) được UBND tỉnh giao **14.658,0** triệu đồng, trong đó vốn sự nghiệp **14.658,0** triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định⁽¹²⁾: **1.465,8** triệu đồng.
- Ngân sách huyện đã bố trí đối ứng **1.465,8** triệu đồng từ các nguồn: Sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp giáo dục đào tạo và sự nghiệp quản lý nhà nước năm 2024.

3.2. Về Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

a) Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương (NSTW) được UBND tỉnh giao **66.338,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **41.349,0** triệu đồng; vốn sự nghiệp **24.989,0** triệu đồng.

* Vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định⁽¹³⁾: **6.633,8** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **4.134,9** triệu đồng; vốn sự nghiệp **2.498,9** triệu đồng.

- Về đối ứng vốn đầu tư phát triển: Ngân sách huyện phân bổ đối ứng **3.889,3** triệu đồng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 huyện,

Sau khi rà soát, cân đối bố trí vốn đối ứng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024, còn thiếu **245,6 triệu đồng** thuộc Dự án 1. Lý do: Qua rà soát, hiện nay chưa có nguồn vốn để cân đối bố trí đối ứng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024. UBND huyện sẽ tiếp tục rà soát, cân đối từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2023, kết dư năm 2023 trình HĐND huyện để đối ứng Dự án 1 sau khi xác định được số liệu các nguồn vốn trên.

- Về đối ứng nguồn vốn sự nghiệp: Ngân sách huyện đã bố trí đối ứng **2.498,9** triệu đồng từ các nguồn: Sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp giáo dục đào tạo và sự nghiệp quản lý nhà nước năm 2024.

3.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

a) Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương (NSTW) được UBND tỉnh giao **8.217,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **4.592,0** triệu đồng; vốn sự nghiệp **3.625,0** triệu đồng.

* Vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định⁽¹⁴⁾: **8.217,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **4.592,0** triệu đồng; vốn sự nghiệp **3.625,0** triệu đồng.

- Về đối ứng vốn đầu tư phát triển: Ngân sách huyện đối ứng **4.592,0** triệu đồng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024.

⁽¹²⁾ Theo Nghị quyết số 22/2022/NQ/HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹³⁾ Theo Nghị quyết số 21/2022/NQ/HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁴⁾ Theo Nghị quyết số 23/2022/NQ/HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Về đối ứng nguồn vốn sự nghiệp: Ngân sách huyện đã bố trí đối ứng **3.625,0** triệu đồng từ các nguồn: Sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp giáo dục đào tạo và sự nghiệp quản lý nhà nước năm 2024.

VIII. Tờ trình số 416/TTr-UBND ngày 04/12/2023 về Dự thảo Nghị quyết thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Sa Thầy

1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Thực hiện Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sa Thầy. Kết quả thực hiện các loại đất đến năm 2024 đã đạt được những kết quả nhất định, giúp cho công tác quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện từng bước được nâng lên và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Trong năm 2023, trên địa bàn huyện đã thu hồi đất đối với 6 công trình dự án với tổng diện tích 56,07 ha; giao đất và cho thuê đất 02 dự án; tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở tại xã Mô Rai, thị trấn Sa Thầy; thực hiện bê tông hóa các tuyến đường giao thông nông thôn thuộc các Chương trình MTQG đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm trước và các Dự án đầu tư công của huyện.

b) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Trong năm 2023, trên địa bàn huyện thực hiện chuyển mục đích sử dụng 0,47 ha đất nông nghiệp sang đất ở; chuyển 0,1 ha đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ để làm điểm thu mua nông sản theo nhu cầu đăng ký của hộ gia đình cá nhân và chuyển mục đích, cho thuê đất 0,57 ha đối với Công ty Thiên Thành Tài để thực hiện dự án Trang trại chăn nuôi lợn nái, lợn thương phẩm công nghệ cao và trồng cây tổng hợp.

2. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện

a) Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp 134.515,77ha (Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 1.049,49ha, xã Hơ Moong 4.796,76ha, xã Mô Rai 57.503,37ha, xã Rờ Koi 29.296,39ha, xã Sa Bình 3.252,47ha, xã Sa Nghĩa 2.988,89ha, xã Sa Nhơn 5.567,29ha, xã Sa Sơn 6.237,51ha, xã Ya Ly 2.515,43ha, xã Ya Tăng 17.078,32ha, xã Ya Xiêr 4.229,85ha).

- Đất phi nông nghiệp 8.502,51 ha (Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 343,64ha, xã Hơ Moong 1.461,84ha, xã Mô Rai 878,19ha, xã Rờ Koi 495,93ha, xã Sa Bình 775,78ha, xã Sa Nghĩa 739,45ha, xã Sa Nhơn 267,31ha, xã Sa Sơn 290,78ha, xã Ya Ly 1.326,91ha, xã Ya Tăng 1.442,08ha, xã Ya Xiêr 480,60ha).

- Đất chưa sử dụng 154,58ha (Bao gồm: xã Mô Rai 10,23ha, xã Rờ Koi 36,47ha, xã Sa Bình 7,11ha, xã Sa Nghĩa 9,65ha, xã Sa Nhơn 11,61ha, xã Sa Sơn 21,28ha, xã Ya Xiêr 58,23ha).

b) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp 222,36ha (Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 22,60ha, xã Hơ Moong 7,72ha, xã Mô Rai 80,39ha, xã Rờ Koi 35,51ha, xã Sa Bình 3,44ha, xã Sa Nghĩa 1,10ha, xã Sa Nhơn 7,04ha, xã Sa Sơn 1,98ha, xã Ya Ly 6,38ha, xã Ya Tăng 44,35ha, xã Ya Xiêr 11,85ha).

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 1,93ha (Bao gồm: Thị trấn Sa

c) Kế hoạch thu hồi các loại đất, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp 180,93ha (Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 10,62ha, xã Hơ Moong 5,00ha, xã Mô Rai 65,73ha, xã Rờ Koi 32,12ha, xã Sa Bình 0,45ha, xã Sa Nghĩa 0,10ha, xã Sa Nhơn 6,08ha, xã Sa Sơn 0,10ha, xã Ya Ly 5,91ha, xã Ya Tăng 44,20ha, xã Ya Xiêr 10,62ha).

- Đất phi nông nghiệp 282,46ha (Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 9,14ha, xã Hơ Moong 0,06ha, xã Mô Rai 8,95ha, xã Rờ Koi 10,00ha, xã Sa Bình 3,26ha, xã Sa Nghĩa 1,50ha, xã Sa Nhơn 4,02ha, xã Sa Sơn 0,01ha, xã Ya Ly 68,19ha, xã Ya Tăng 163,43ha, xã Ya Xiêr 13,90ha).

d) Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp 15,00ha (Bao gồm: xã Mô Rai 1,00ha, xã Rờ Koi 1,00ha, xã Sa Sơn 1,00ha, xã Ya Xiêr 12,00ha).

- Đất phi nông nghiệp 1,33ha (Bao gồm: Xã Mô Rai 0,11ha, Xã Sa Bình 1,03ha, Xã Sa Nhơn 0,19ha).

UBND huyện kính trình HĐND huyện Kỳ họp thứ 7 xem xét, quyết định./.